

CHÍNH TRỊ HỌC SO SÁNH VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA LOẠI HÌNH KHU VỰC CHÍNH TRỊ CHÂU ÂU

LƯƠNG VĂN KẾ^(*)

Bài viết đề cập đến hai khía cạnh cơ bản là: (1) vấn đề phương pháp luận của chính trị học so sánh (comparative politics) trong phân loại các hệ thống chính trị, những thách thức và kết quả phân loại; và (2) thử phân tích những đặc trưng loại hình cơ bản về mặt thể chế của các hệ thống chính trị thuộc loại hình phương Tây/Tây Âu dưới lăng kính của chính trị học so sánh kết hợp với phương pháp của nghiên cứu khu vực (area studies). Việc phân loại và phân tích đặc trưng loại hình học khu vực chính trị dựa trên những tiêu chí phân loại mang tính khoa học giúp phát hiện ra những tương đồng và khác biệt mang tính bản chất giữa các quốc gia hay khu vực về hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó chúng ta có thể vận dụng so sánh với hệ thống chính trị ở nước ta, thấy được những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống chính trị đó, nhằm không ngừng hoàn thiện nó, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng một xã hội hiện đại, công bằng, dân chủ, văn minh.

1. Khái lược về chính trị học so sánh

Chính trị học so sánh được đa số học giả trên thế giới coi là một trong 4 trụ cột của ngành chính trị học:

- Lý thuyết chính trị (political theory),
- Chính trị đối nội (domestic politics),
- Quan hệ quốc tế (international relation), và
- Chính trị học so sánh (comparative politics).

Trong thực tế, môn chính trị học so sánh không chỉ có vai trò trong chính trị học, mà còn là một trong những bộ phận quan trọng của nghiên cứu quốc tế nói chung, trong đó có vai trò đối với nghiên

cứu quan hệ quốc tế, pháp luật quốc tế (ví dụ so sánh thể chế chính trị/hiến pháp), nghiên cứu khu vực quốc tế (các thể chế nhà nước của quốc gia hay khu vực).

Căn cứ vào tính chất “ghép” của danh từ “chính trị học so sánh”, người ta xác định vai trò của chính trị học so sánh thể hiện ở hai khía cạnh: (1) Đối tượng của chính trị học so sánh là các *hệ thống chính trị* của hai hay nhiều quốc gia khác nhau, hoặc hai hay nhiều hệ thống chính trị ở các giai đoạn khác nhau của cùng một quốc gia hay khu vực. Theo nghĩa thứ nhất, người ta sẽ có

^(*) TSKH. Khoa Quốc tế học, trường Đại học HXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội).

chính trị học so sánh đồng đại và gắn liền với nghiên cứu *khu vực học chính trị*. (2) Phương pháp cơ bản của chính trị học so sánh là phương pháp so sánh - một phương pháp được vận dụng phổ biến trong các khoa học, cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội. Vậy là chính trị học so sánh trả lời cho 2 câu hỏi: *cái gì được so sánh và so sánh như thế nào?* Theo nghĩa đó thì “phương pháp so sánh không phải là nguyên lý nhận thức khoa học vốn dùng làm tiền đề cho kiểm chứng lý thuyết, mà nó cho phép người ta đánh giá có tính so sánh về các kết quả đạt được của nghiên cứu thực nghiệm” (1, tr.51).

Xét về phạm vi nghiên cứu, thì trong chính trị học so sánh cần phân biệt 4 cấp độ/không gian khác nhau:

(a) Quốc gia (nation/state), tức hệ thống chính trị nhà nước (nation-bias);

(b) Bộ phận của hệ thống chính trị quốc gia (intranation);

(c) Siêu quốc gia (supra-nation, supra-state), tức là phạm vi so sánh bao gồm nhiều quốc gia hay khu vực quốc tế;

(d) Các hệ thống chính trị trên toàn cầu (world/global societies): Nói một cách khác, khi so sánh chính trị toàn cầu có thể chọn một khía cạnh/đặc trưng chính trị nào đó để tiến hành so sánh tất cả các hệ thống chính trị quốc gia và siêu quốc gia với nhau.

Vận dụng phương pháp so sánh chính trị trong nghiên cứu khu vực quốc tế cho phép người ta phát hiện được những đồng nhất và khác biệt trong hệ thống chính trị của các khu vực hay quốc gia khác nhau (cấp độ (c) và (d)). Sự phân loại các hệ thống chính trị thành những loại hình chính trị khu vực khác nhau đem lại nhiều bổ ích. Vì nhờ đó mà người ta thấy được những kiểu tác động qua lại khác nhau giữa văn hoá và chính trị, giữa địa lý và kinh tế, giữa

truyền thống và tiếp biến thời đại, giữa các khu vực với nhau, giữa cái tất yếu và cái dị thường cần từ bỏ.

2. Cơ sở phân loại khu vực chính trị

Việc phân loại các hệ thống chính trị là một nhiệm vụ của chuyên ngành chính trị học so sánh, nhưng cũng rất có ý nghĩa trong nghiên cứu khu vực quốc tế. Việc phân loại này dựa trên những đặc điểm tương đồng hay khác biệt quan trọng nhất định. Những nước cùng một nhóm phải có chung những đặc điểm bản chất giống nhau. Vấn đề là ở chỗ, dựa trên những tiêu chí phân loại nào để kết quả đem lại có hiệu quả nhất? Theo các học giả M. I. Lichtbach và Alan S. Zuckerman thì từ sau Chiến tranh thế giới II đến cuối thập kỷ 80, các quốc gia thường được phân thành 3 thế giới như sau: Thế giới I bao gồm các quốc gia tư bản công nghiệp phát triển phương Tây do Mỹ đứng đầu; Thế giới II là các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu; Thế giới III bao gồm trên 120 nước kinh tế kém phát triển hơn và một số nước mới giành được độc lập ở 3 khu vực châu Á, châu Phi và Mỹ Latin. Tuy nhiên, cách phân loại này tỏ ra không còn phù hợp nữa kể từ sau sự sụp đổ của các nước thuộc chế độ xã hội chủ nghĩa châu Âu. Nhiều nhà chính trị học đã tiến hành phân loại theo hệ tiêu chí về mức độ dân chủ của chế độ nhà nước. Cho dù cách phân loại này đang gây tranh cãi, nhất là về vấn đề bản chất của dân chủ, hay thế nào là dân chủ.

Có 5 tiêu chí hình thức dân chủ sau đây được vận dụng:

(1) Việc bầu ra các chức vụ cấp cao phải được tiến hành bằng bầu cử tự do và công bằng;

(2) Các chính đảng được phép hoạt động và cạnh tranh bình đẳng trong bầu cử;

(3) Quá trình hoạch định chính sách phải minh bạch và các quan chức phải chịu trách nhiệm cá nhân;

(4) Các công dân phải được bảo đảm về các quyền dân sự và chính trị;

(5) Ngành tư pháp phải có quyền lực độc lập với các ngành lập pháp và hành pháp trong hệ thống tam quyền phân lập.

Theo cách này, toàn bộ trên dưới 200 quốc gia sẽ được phân làm 3 nhóm hay 3 hạng:

- Các nước dân chủ vững chắc,
- Các nước có nền dân chủ đang chuyển đổi,
- Các nước có nền độc tài toàn trị.

Mặc dù các nhà nghiên cứu có sự thống nhất cao về các tiêu chí dân chủ hình thức, nhưng việc thực thi dân chủ luôn gặp nhiều thách thức và hạn chế. Đó là:

(1) Xác định nền dân chủ theo 5 tiêu chí hình thức trên vẫn không đưa đến những kết quả công bằng và hợp lý, vì thiếu quan tâm đến những đặc thù của từng nước;

2) Không có một chế độ nhà nước nào đáp ứng đủ 5 tiêu chí trên;

(3) Gặp khó khăn và tranh cãi ngay trong giải thích nội dung các tiêu chí dân chủ;

(4) Sự bất bình đẳng về kinh tế đã gây cản trở đáng kể đối với việc thực thi bình đẳng về chính trị;

(5) Vẫn tồn tại nhiều khác biệt ngay giữa các chế độ được coi là “dân chủ vững chắc” (2).

Tuy nhiên, đối với khu vực học, việc phân loại không chỉ nhằm mục đích xác lập các loại hình chế độ chính trị phổ quát, không có chỗ đứng cho các tiêu chí địa lý, mà thực sự nó còn cần đạt đến sự khu biệt mang tính địa lý hay tính khu

vực của các loại hình chế độ chính trị. Riêng đối với khu vực học, thì sự phân loại các hệ thống chính trị còn có những trở ngại riêng.

Trước hết là xác định hệ tiêu chí phân loại sao cho việc phân loại có tác dụng nhận thức đúng đắn bản sắc chính trị của khu vực. Thứ hai là, các quốc gia và khu vực là những thực thể đa chiều cực kỳ phức tạp, vậy các tiêu chí đó nên ưu tiên thứ tự như thế nào, cái nào là then chốt, cái nào là thứ yếu? Thứ ba là mục đích phân loại để làm gì? Điều cần tránh là động cơ vụ lợi. Còn có thể kể ra nhiều thách thức khác nữa khiến cho các nhà khoa học phải cân nhắc với một tinh thần trách nhiệm cao nhất khi thực hiện phân loại.

Tuy vậy người ta vẫn không thể phủ nhận rằng giữa các quốc gia trên thế giới luôn tồn tại những nét giống nhau. Một sự phân loại thường thấy là phân loại các khu vực văn minh -văn hoá (hay các nền văn minh lớn), ví dụ cách phân loại thành 8 khu vực của Samuel Huntington (3, tr.32-44). Với tư cách là một thử nghiệm loại hình học khu vực chính trị, bài viết này thử phân chia khu vực theo khuynh hướng chính trị học nhất quán của mình.

Để tiến hành phân chia loại hình khu vực chính trị thế giới, các nhà nghiên cứu khu vực chính trị thường căn cứ vào 4 tiêu chí dưới đây (4, tr.63-65):

(1) Tiêu chí loại hình hệ thống cai trị: đó là kiểu hệ thống dân chủ đa nguyên đối lập với hệ thống tập trung quyền lực nhất nguyên, hay là đối lập giữa kiểu tập trung quyền lực và kiểu phân quyền.

(2) Tiêu chí văn hoá chính trị: một mặt đó là tổng hoà các chuẩn mực chính trị thống nhất mà mọi thành viên của xã hội đều chấp nhận được về cơ bản; mặt khác là tương quan giữa các nhóm

xã hội cũng như các thiết chế đó trong hệ thống chính trị.

(3) Tiêu chí trình độ phồn vinh xã hội (mức sống): trình độ nền kinh tế (GDP, thu nhập đầu người, giá công lao động, mức chi tiêu dùng, mức độ phúc lợi công cộng).

(4) Tiêu chí khu vực địa lý: Căn cứ vào vị trí khu vực trên bản đồ địa lý thế giới như kinh tuyến, vĩ tuyến, phương hướng, tương quan về phạm vi lãnh thổ (đất liền, hải đảo, sa mạc, đới khí hậu). Tiêu chí này trong lịch sử thường đi liền với tiêu chí văn hoá, tạo thành tiêu chí kép địa - văn hoá.

Trong đó tiêu chí khu vực địa lý được xem là tiêu chí ưu tiên hàng đầu. Và trong nội bộ từng khu vực, cần phải căn cứ vào kiểu loại hệ thống cai trị để phân chia khu vực đó thành những khu vực nhỏ hơn, ví dụ trong khối các quốc gia công nghiệp phát triển phương Tây có thể phân loại thành Tây Âu và Bắc Mỹ.

Với các tiêu chí như trên, chúng ta có thể phân chia thế giới thành 7 loại hình khu vực địa lý chính trị như sau: (1) Khu vực phương Tây; (2) Khu vực Đông Á; (3) Khu vực Đông Nam Á; (4) Khu vực Trung Đông và Bắc Phi; (5) Khu vực Nam Á; (6) Khu vực Mỹ Latin; (7) Khu vực châu Phi.

Đặc điểm loại hình khu vực về mặt chính trị của từng khu vực cũng như quốc gia đều thể hiện trên các phương diện sau đây: (1) Hiến pháp; (2) Bộ máy quyền lực chính trị; (3) Quy trình ban hành luật pháp; (4) Hệ thống các đảng phái chính trị; (5) Văn hoá chính trị; (6) Chính sách khu vực và chính sách địa phương; (7) Truyền thông đại chúng; (8) Chính sách đối ngoại và chính sách khu vực.

Do khuôn khổ của bài viết, tác giả không thể phân tích toàn bộ các loại hình khu vực chính trị nói trên, mà chỉ thử phân tích đặc điểm loại hình khu vực châu Âu/phương Tây trên phương diện thể chế chính trị - yếu tố cơ bản của các hệ thống chính trị.

3. Đặc trưng của loại hình khu vực chính trị châu Âu về mặt thể chế hoá

Khi xem xét thể giới từ khía cạnh văn hoá và văn minh, theo truyền thống, người ta thường phân biệt phương Tây và phương Đông, ngầm chỉ khu vực Tây Âu - Bắc Mỹ đối lập với châu Á. Bởi vì xét về mặt lịch sử xã hội, khu vực châu Mỹ, trước hết là Bắc Mỹ, vốn có nguồn gốc từ châu Âu và vì thế nó mang bản sắc châu Âu rõ nét. Còn khu vực Mỹ Latin cũng có nguồn gốc châu Âu, nhưng quá trình lai tạp chủng tộc và văn hoá ở khu vực này giữa cư dân nhập cư châu Âu và dân bản địa diễn ra hết sức mạnh mẽ, nên các quốc gia Mỹ Latin đã hình thành nên các nền văn hoá đậm chất hỗn hợp, màu sắc châu Âu có phần bị biến dạng đi nhiều hơn so với khu vực Bắc Mỹ. Hơn nữa, xét về mặt kinh tế, các nước đó cũng phát triển chậm hơn nhiều so với Bắc Mỹ và châu Âu. Do đó khu vực Mỹ Latin thường được đưa vào nhóm các nước đang phát triển (Á, Phi, Mỹ Latin). Do chỗ khu vực Âu-Mỹ có chung cội nguồn châu Âu như vậy, nên trong tài liệu này chúng tôi phân tích nền chính trị châu Âu như là một loại hình tiêu biểu đại diện cho toàn bộ phương Tây hay là cho các quốc gia phát triển theo mô hình châu Âu.

Châu Âu là phần phía Tây của đại lục địa Âu - Á với 48 quốc gia, được phân chia theo khu vực địa lý như sau (5):

- Bắc Âu (8 quốc gia): Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Iceland, Estonia, Latvia, Litva,

- Tây Âu (6 quốc gia): Anh, Ireland, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Luxemburg,

- Trung Âu (9 quốc gia): Đức, Áo, Thụy Sĩ, Ba Lan, Séc, Slovakia, Hungary, Croatia, Slovenia,

- Nam Âu (7 quốc gia): Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Síp, Malta, Thổ Nhĩ Kỳ,

- Đông và Đông Nam Âu (18 quốc gia): Romania, Bulgaria, Albania, Serbia, Montenegro, Bosnia-Herzegovina, Macedonia, Ukraina, Belarus, Nga, Moldova, Azerbaijan, Armenia, Gruzia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan (5).

Nếu phân chia theo các tiêu chí địa-chính trị và địa-văn hoá, thì thông thường châu Âu chỉ được chia thành hai khu vực là Tây Âu và Đông Âu. Trong đó Tây Âu theo Thiên chúa giáo La Mã/Tin lành và theo truyền thống thể chế chính trị đại nghị, còn Đông Âu theo Chính thống giáo La Mã và nền chính trị chuyển đổi từ cộng sản sang dân chủ đại nghị. Trong đó nổi bật lên hai khối là Liên minh châu Âu (EU-25) và Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) do Nga làm hạt nhân. Xu thế nhất thể hoá châu Âu khiến cho bản đồ chính trị châu Âu luôn luôn trong động thái, chuyển từ khối phía Đông sang khối phía Tây hay là sự mở rộng của Liên minh châu Âu sang phía Đông.

Hệ thống chính trị châu Âu là một thực thể phức tạp, đa chiều. Chẳng hạn nó phải bao gồm hàng loạt khía cạnh như: tiến trình lập pháp (hiến pháp), cấu trúc của chính phủ, hệ thống đảng phái và nhóm lợi ích, vấn đề bầu cử v.v... Tuy nhiên trong phạm vi bài viết

này, tác giả chỉ có thể đề cập đến một khía cạnh của nền chính trị châu Âu trên quan điểm so sánh chính trị mà thôi. Đó là khía cạnh thể chế hoá các nền chính trị châu Âu. Còn các khía cạnh khác, xin được phân tích trong những bài tiếp theo.

Thể chế chính trị các nước châu Âu đã trải qua một chặng đường dài thể chế hoá (Institutionalization) để đi đến sự đồng qui căn bản. Trong đó có quốc gia đã được thể chế hoá theo mô hình dân chủ hiện đại từ lâu, nhưng cũng có những quốc gia mãi đến những năm 90 thế kỷ XX mới giành được độc lập hoàn toàn và xây dựng một thiết chế chính trị dân chủ độc lập của mình. Điều đó làm thành những nét đặc thù của nền chính trị ở từng quốc gia châu Âu.

Thể chế hoá là khái niệm nhận thức chỉ sự vận dụng phương thức lãnh đạo quốc gia hiện đại, gắn liền với sự nghiệp của những nhà chính trị chủ chốt hoặc với các sự kiện chính trị then chốt. Ví dụ, sự diệt vong của quốc gia phong kiến chuyên chế hay tàn dư của nền thống trị bạo lực truyền thống và hình thành quốc gia hiện đại dựa trên chế độ quan liêu chính thức. Đó là một thời khắc có tính bước ngoặt trong lịch sử quốc gia. Tuy quá trình thể chế hoá khá đa dạng, nhưng lục địa châu Âu cũng có thể qui về những nhóm tiểu loại hình khu vực nhất định:

- Nhóm các quốc gia hạt nhân của Cộng đồng châu Âu - EC (gồm Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Luxemburg, Thụy Sĩ),

- Nhóm các nước khác trong EC,

- Nhóm các nước ngoài EC,

- Nhóm các nước hạt nhân của Đông Âu, và

- Nhóm các nước ngoại vi của khối Đông Âu.

Sau đây là bảng tổng hợp về tiến trình thể chế hoá này (xem bảng 2).

Bảng 2: So sánh tiến trình thể chế hoá ở các quốc gia châu Âu (năm 2002)^(*)

<i>Loại hình tiểu khu vực</i>	<i>Số năm được độc lập</i>	<i>Số năm được thể chế hoá</i>
Nhóm các quốc gia hạt nhân của EC (6)	1695	1797
Nhóm các nước khác trong EC (6)	1374	1803
Nhóm các nước ngoài EC (6)	1669	1833
Nhóm các nước hạt nhân của Đông và Nam Âu (6)	1934	1860
Nhóm các nước ngoại vi của khối Đông Âu (7)	1969	1875

Số liệu được dẫn theo: <http://www.odci.gov/cia/publications/factbook/>

Đặc điểm nổi bật của hệ thống chính trị châu Âu là, cùng với sự nhất thể hoá mạnh mẽ, châu Âu đã hình thành một chế độ quản trị đa cấp (multi-layer governance), bao gồm: chính trị và quản trị từng quốc gia, chính trị và quản trị khu vực/tổ chức khu vực (ví dụ EU, SNG) và chính trị và quản trị toàn châu Âu (ví dụ Tổ chức An

ninh và hợp tác châu Âu - OSCE). Hạt nhân vĩ mô trong đó là chính trị và quản trị khu vực/siêu quốc gia hay khối nước (như EU).

Trên cấp độ quốc gia, ngày nay người ta nhận thấy tất cả các quốc gia châu Âu đều theo chế độ dân chủ đại nghị. Chế độ dân chủ đại nghị có hai biến thể là dân chủ đại nghị và dân chủ tổng thống. Theo đó thì phái đa số trong nghị viện và chính phủ tạo ra sự nhất trí hoàn toàn về chính trị, trong khi giữa hai thiết chế đó có sự phân chia công tác. Nếu không có sự nhất trí của đa số trong quốc hội thì chính phủ không thể nào làm việc được. Khi đó chính phủ buộc phải giải tán, và có thể nảy sinh khả năng là một chính phủ thiểu số của một đảng vốn không tham gia chính phủ sẽ được chấp nhận. Do đó ở châu Âu thường xuất hiện hiện tượng liên minh cầm quyền. Theo đó các đảng cần phải cử đại diện cấp cao để bàn bạc thương thảo với nhau hình thành một cơ chế hợp tác (ví dụ phân chia các ghế trong chính phủ liên hiệp) và đề phòng khả năng xung đột dẫn đến phá hủy liên minh cầm quyền.

Đối trọng của chính phủ do các đảng nào đó nắm bao giờ cũng là các đảng đối lập trong quốc hội. Do đó trong quốc hội bao giờ cũng thiết lập các đoàn nghị sĩ của các đảng. Các đoàn nghị sĩ này có thể của một đảng hay của nhiều đảng liên minh với nhau. Nguyên tắc đoàn nghị sĩ là cơ sở tạo năng lực làm việc của chính phủ. Tiếng nói của một nghị sĩ thành viên bao giờ cũng phải là tiếng nói của cả đoàn, nghĩa là của toàn đảng hay liên minh đảng, tuyệt đối không bao giờ là quan điểm của chỉ cá nhân nghị sĩ phát ngôn.

Hiến pháp của các nước dân chủ đại nghị cho phép giải tán quốc hội sớm và chính phủ cũ vẫn có thể tạm quyền điều hành cho đến khi tuyển cử và bầu được một chính phủ mới. Nguyên thủ quốc gia của các nước này về cơ bản chỉ mang

^(*) Về số lượng các quốc gia ở đây không đủ cả 48 nước, mà chỉ có 31 nước, vì những nước còn lại không có đủ số liệu. Cần lưu ý rằng có những tranh luận xung quanh số năm tháng giành được độc lập cũng như được thể chế hóa/hiện đại hóa của một số quốc gia. Tham khảo: Chương trình hợp tác đại học EU-Trung Quốc: Hệ thống chính trị Liên minh châu Âu (tiếng Trung Quốc), Đại học Sơn Đông, 2002.

tính tượng trưng, cho dù đó là chế độ quốc vương hay chế độ tổng thống. Thực quyền lãnh đạo đất nước thuộc về thủ tướng chính phủ. Duy có nước Pháp và gần đây là một số nước Đông Âu thì nguyên thủ quốc gia (tổng thống) có vai trò then chốt trong chính phủ. Đôi khi quyền lực tập trung chủ yếu ở tổng thống (ví dụ Liên bang Nga, Belarus, Ukraine). Điều đó phần nào phá vỡ truyền thống dân chủ đại nghị của châu Âu.

Một đặc điểm nổi bật tiếp theo của nền chính trị châu Âu là hệ thống đảng chính trị rất phát triển. Các chính đảng luôn luôn là những thể chế đa năng, là người đảm trách trọng yếu trong các cuộc tuyển cử dân chủ và sau đó trở thành người lãnh đạo quốc gia. Các chính đảng có trách nhiệm tập hợp ý nguyện lợi ích của quần chúng và khởi thảo các đường lối chính sách và cương lĩnh cho đất nước. Tuy nhiên, số lượng công dân tham gia đảng phái rất thấp (ở Đức chỉ vào khoảng 3% cử tri), và nếu có tham gia thì cũng không hoạt động tích cực lắm (chỉ 15% đảng viên hoạt động) (16. tr. 467). Điều đó chứng tỏ dân chúng ở các nước phát triển có thái độ thờ ơ với chính trị, chính quyền.

Về mặt hình thái ý thức hay hệ tư tưởng, khác với nhiều khu vực khác trên thế giới, các đảng chính trị châu Âu có một đặc trưng cơ bản là họ có hình thái ý thức hết sức minh xác và ổn định. Căn cứ vào nội hàm cơ bản của cách lưỡng phân hình thái ý thức thành hữu khuynh và tả khuynh, tức là mức độ can dự của quốc gia đối với kinh tế, xã hội và đời sống cá nhân, người ta có thể phân loại các chính đảng quốc gia ở châu Âu thành 4 nhóm là chính đảng cánh tả, chính đảng cánh hữu, chính đảng trung gian và đảng chính trị mới.

Chính đảng cánh tả là chính đảng chủ trương nhà nước nên có các biện pháp can thiệp thích hợp đối với kinh tế, xã hội và cá nhân công dân để tạo ra một khung cảnh xã hội giúp các thành

viên của toàn xã hội phát triển một cách toàn diện. Chính đảng cánh hữu là các đảng chủ trương tự do chủ nghĩa về chính sách kinh tế và bảo thủ về chính sách văn hoá xã hội. Các đảng này thường mang tên gọi đảng bảo thủ, đảng tự do, đảng phản chế độ, đảng đại chúng, đảng cực hữu, có khi còn mang tên gọi tôn giáo, như đảng Cơ đốc giáo.

Hệ thống các đảng ở châu Âu có thể phân loại theo hệ tư tưởng, theo thành phần giai cấp, tôn giáo, hay theo quyền lợi. Ngày nay, sự đối kháng giai cấp đã yếu đi nhiều. Các đảng hầu hết trở thành đảng toàn dân, nghĩa là đảng viên có thể thuộc về nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, và các đảng cạnh tranh nhau vì lợi ích của các nhóm xã hội mà mình đại diện, hơn là cạnh tranh chống đối nhau vì đối lập hệ tư tưởng chính trị.

4. Kết luận

Chính trị học so sánh cũng như nhiều môn khoa học hiện đại khác của thế giới, đều ra đời từ phương Tây. Ngày nay nó là một trong những trụ cột quan trọng của khoa nghiên cứu chính trị, nghiên cứu khu vực, nghiên cứu quan hệ quốc tế, pháp luật quốc tế. Việc tìm hiểu về chính trị học so sánh không những giúp làm phong phú thêm tri thức của chúng ta về phương pháp nghiên cứu chính trị, mà còn thông qua các nghiên cứu kinh nghiệm (empirical studies) của các học giả nước ngoài, giúp ta hiểu hơn về các mối tương quan giữa chính trị và kinh tế, chính trị và dân chủ. Nó cũng giúp ta hiểu rõ hơn và đúng đắn hơn về bản chất “người” của chính trị ở các khu vực khác nhau trên thế giới, để từ đó có thêm kinh nghiệm xử lý đúng đắn các mối quan hệ xã hội nhạy cảm nói trên, xây dựng một hệ thống chính trị hiện đại của nước ta trên cơ sở kinh nghiệm thành công của các nước tiên tiến, trong đó có kinh nghiệm của các nước tiên tiến ở châu Âu, phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp công

ngiệp hoá, hiện đại hoá, và hội nhập sâu rộng vào hệ thống toàn cầu, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hartmann J. (ed.). Vergleichende politische Systemforschung (Nghiên cứu so sánh hệ thống chính trị). Koeln/Wien 1980.
2. Xem: Lichbach M.I., Zuckerman A.S. Comparative Politics. Rationality, Culture, and Structure. Cambridge University Press, UK. 1997; Nathan A., Kesselman M. Tập bài giảng “Chính trị học so sánh trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và khu vực học”. Ford Foundation. Đà Lạt, 12-2006.
3. Huntington S. Sự va chạm của các nền văn minh. Người dịch: Nguyễn Phương Sửu... H.: Lao động, 2003.
4. Xem: Juergen Hartmann. Chính trị học so sánh (tiếng Đức). Frankfurt/New York, 1995.
5. <http://www.mofa.gov.vn>
6. Berrg-Schlosser D. Makro-qualitative vergleichende Methoden (Phương pháp so sánh định chất vĩ mô), trong: Kropp S., Minkenber M. (ed.). Vergleichen in der Politikwissenschaft (Phương pháp so sánh trong khoa học chính trị), Wiesbaden 2005.
7. Beyme K. Das Politische System der Bundesrepublik Deutschland (Hệ thống chính trị của Cộng hoà Liên bang Đức). Muenchen, 1996.
8. Birch A. The Concepts and Theories of Modern Democracy. London and New York, Routledge, 1993.
9. Kriz J., Nohlen D. (ed.). Lexikon der Politik (Từ điển chính trị tường giải). Tập 2: Politikwissenschaftliche Methoden (Từ điển tường giải về phương pháp khoa học chính trị). Muenchen 1994.
10. Lehner F., Widmaier U. Vergleichende Regierungslehre (lý thuyết so sánh chính phủ). Opladen, 1995.
11. Lietzmann H.J., Bleek W. (ed.). Politikwissenschaft (Chính trị học). Muenchen, 1996.
12. Lương Văn Kế. Văn hoá với tư cách tiền đề của hội nhập kinh tế - Những kinh nghiệm quốc tế và khả năng vận dụng cho Việt Nam. Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 12, 2005.
13. Lương Văn Kế. Con đường trở thành đảng cầm quyền của Liên minh dân chủ Thiên chúa giáo (CDU) ở Cộng hòa Liên bang Đức. Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 7 (73) 2006.
14. Lương Văn Kế. Bức tranh lịch sử phát triển của hệ thống đảng chính trị hiện đại ở Cộng hòa Liên bang Đức. Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 1 (67) 2006.
15. Lương Văn Kế. Nhập môn Khu vực học. Tập bài giảng dành cho sinh viên ngành Quốc tế học/Khu vực học, Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội), 2006.
16. Ismayr W. (ed.): Die politischen Systeme Westeuropas. Opladen - Germany, 2003.